

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Ph**

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày: 24/02/2022.
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Liên
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thiện
Bà Phạm Thị Hoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Ngọc Hoàng Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà Cao Thị Bích Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2021/TLST-DS ngày 05/4/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-DS ngày 04/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST-DS ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị L (còn gọi là Ph), sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Số 495K, G 2, xã XT, thành phố Đà Lạt.

Địa chỉ liên lạc: Quán nem nướng B Ph: Số X TX 1, xã XT, thành phố Đà Lạt.

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Hoàng Thế Tr là Luật sư của Văn phòng luật sư NV thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng.

- ***Bị đơn:*** Bà Hoàng Thị Phương L1.

Hộ khẩu thường trú: Thôn Xuân Sơn, xã Xuân Trường, thành phố Đà Lạt.

Địa chỉ liên lạc: Thôn Phát Chi, xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt.

(Bà L (Ph), luật sư Tr có mặt, bà L1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị L (Còn gọi là Ph) đề ngày 21/3/2021 và lời khai của bà L trình bày:*

Do có quan hệ mua bán cà phê với bà L1 nhiều năm nên ngày 16/12/2019 bà có cho bà Hoàng Thị Phương L1 vay 600.000.000đ có viết giấy vay, lãi 1%/tháng; đến ngày 26/12/2019 bà L1 vay thêm 350.000.000đ và viết Hợp đồng vay ngày 26/12/2019 với số tiền hai lần vay là 950.000.000đ(Chín trăm năm mươi triệu đồng), bà L1 xé giấy vay 600.000.000đ.

Trong quá trình vay bà L1 mới trả cho bà số tiền lãi là 7.000.000đ, việc trả lãi cũng không lập giấy tờ gì. Cho đến nay thì bà L1 chưa trả tiếp được khoản nợ gốc và nợ lãi nào, bà có đòi nhiều lần nhưng bà L1 cứ hứa bán vườn trả nhưng tới nay cũng không trả.

Nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Hoàng Thị Phương L1 phải trả cho bà số tiền nợ gốc 950.000.000đ và nợ lãi 01%/tháng tính từ ngày 26/12/2019 là 142.500.000đ tạm tính đến ngày khởi kiện và bà cũng đồng ý trừ vào tiền lãi cho bà L1 7.000.000đ tiền lãi đã trả trước đó.

Đối với bị đơn bà Hoàng Thị Phương L1 đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Do bà L1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, bà L và luật sư Hoàng Thế Tr là người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp cho nguyên đơn bà L: yêu cầu Tòa án buộc bà Hoàng Thị Phương L1 phải trả cho bà số tiền nợ gốc 950.000.000đ và nợ lãi chậm trả 0,83%/tháng tính từ ngày 27/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đồng thời, số tiền bà L1 trả trước đây là 8.000.000đ chứ không phải 7.000.000đ thì bà đồng ý trừ vào tiền lãi cho bà L1 8.000.000đ tiền nợ lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng nhận định:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi thụ lý tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, đương sự và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Còn bị đơn đã không chấp hành và không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử: Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 950.000.000đ và nợ lãi chậm trả 0,83%/tháng tính từ ngày 27/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm - 8.000.000đ bà L1 đã trả trước đó.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xuất phát từ việc bà L (còn gọi là Ph) có cho bà Hoàng Thị Phương L1 vay tiền nhiều lần và ngày 26/12/2019 bà L1 có lập hợp đồng vay tiền với số tiền 950.000.000đ (*Chín trăm năm mươi triệu đồng*), không ghi lãi suất, thời hạn vay 03 tháng. Nhưng đến nay bà L1 cũng không thực hiện đúng cam kết nên bà L (Còn gọi là Ph) khởi kiện. Hợp đồng vay tiền được lập tại xã XT, thành phố Đà Lạt và hiện nay bị đơn cư trú tại thành phố Đà Lạt. Vì vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn bà Hoàng Thị Phương L1 đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà L1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L (còn gọi là Ph) thì thấy rằng: Theo bản chính hợp đồng vay tiền ngày 26/12/2019 do nguyên đơn cung cấp (*bút lục số 60*) thể hiện nội dung: Bà Hoàng Thị Phương L1 có vay của bà L (Ph) số tiền 950.000.000đ (*Chín trăm năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay 03 tháng, không ghi lãi suất.

Theo nguyên đơn bà L (Ph) cho rằng: ngày 16/12/2019 bà có cho bà Hoàng Thị Phương L1 vay 600.000.000đ có viết giấy vay, lãi 1%/tháng; đến ngày 26/12/2019 bà L1 vay thêm 350.000.000đ và bà L1 tự viết Hợp đồng vay ngày 26/12/2019 với số tiền hai lần vay là 950.000.000đ (*Chín trăm năm mươi triệu đồng*).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hoàng Thị Phương L1 mặc dù đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của bà L1.

Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã tiến hành xác minh:

Theo Biên bản đối chất ngày 13/3/2020 tại Phòng PC01 - Công an tỉnh Lâm Đồng (Bút lục số 73-75) thì bà L1 cho rằng: vào khoảng tháng 11/2019 bà có vay của bà L số tiền 750.000.000đ, nhận tiền mặt trực tiếp tại nhà bà L, thỏa thuận lãi theo ngày. Khoảng 10 ngày sau thì bà vay thêm 50.000.000đ nhận tiền mặt tại nhà bà L, tổng cộng 800.000.000đ. Sau đó bà L chốt đến ngày 26/12/2019 tổng cả gốc và lãi số tiền 950.000.000đ. Bà có viết Hợp đồng vay tiền ngày 26/12/2019 tại vườn của bà ở tổ 1, thôn PC, xã TH, thành phố Đà Lạt. Từ khi vay cho đến khi chốt lại số tiền 800.000.000đ thì bà vẫn trả lãi cho bà L. Còn từ ngày 26/12/2019 trở đi thì bà chưa trả lãi được cho bà L.

Tuy nhiên, bà L1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc bà trả lãi theo ngày cho bà L (Ph) cũng như việc bà L (Ph) tính số tiền lãi và nợ gốc từ 800.000.000đ lên 950.000.000đ.

Còn bà L (Ph) thừa nhận từ khi cho bà L1 vay tiền thì bà chỉ nhận một lần của bà L1 trả lãi số tiền 8.000.000đ.

Về thời hạn vay: Theo bà L1 cũng thừa nhận 03 tháng tính từ ngày 26/12/2019.

Như vậy, lời khai của bà L1 về số tiền nợ 950.000.000đ phù hợp với bản chính hợp đồng vay tiền ngày 26/12/2019 do nguyên đơn cung cấp (*bút lục số 60*).

[2.2] Ngoài ra, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt cũng đã trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết ghi họ tên Hoàng Thị Phương L1 trên bản chính hợp đồng vay tiền ngày 26/12/2019 do nguyên đơn cung cấp (*bút lục số 60*). Theo Kết luận giám định số 916/GĐ-PC09 ngày 18/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Hoàng Thị Phương L1 dưới mục người vay trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết ghi họ tên Hoàng Thị Phương L1 trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*

Đến nay, quá thời hạn mà bà L1 cũng không trả số tiền nợ trên cho bà L (Ph) là xâm phạm đến quyền và L ích hợp pháp của bà L (Ph).

Vì vậy, nguyên đơn bà L (Ph) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Hoàng Thị Phương L1 phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc là 950.000.000đ (*Chín trăm năm mươi triệu đồng*) là có căn cứ.

[2.3] Đối với tiền nợ lãi:

Theo bà L (Ph) thì lãi thỏa thuận là 1%/tháng/1.000.000đ. Tuy nhiên, trong hợp đồng vay tiền ngày 26/12/2019 không ghi thỏa thuận về lãi suất.

Tại phiên tòa hôm nay, bà L (Ph) cũng như luật sư bảo vệ quyền và L ích hợp pháp cho nguyên đơn bà L (Ph) chỉ yêu cầu bị đơn bà L1 trả tiền lãi chậm trả là 0,83%/tháng/1.000.000đ từ ngày 27/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà L (Ph) để buộc bị đơn bà L1 trả số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc) cụ thể: 950.000.000đ x 10%/12 tháng x 22 tháng 28 ngày (tính từ thời điểm quá hạn 27/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/02/2022) = 180.829.333đ (làm tròn 180.829.000đ).

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà L (Ph) thừa nhận và đồng ý cần trừ số tiền 8.000.000đ tiền lãi bà L1 đã trả trước đó vào tiền nợ lãi.

Do đó, cần buộc bị đơn bà L1 trả cho bà L (Ph) số tiền lãi là (180.829.000đ – 8.000.000đ) = 172.829.000đ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để tuyên xử theo hướng nhận định nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L (còn gọi là Ph) được chấp nhận nên bị đơn bà Hoàng Thị Phương L1 phải chịu tiền án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: Bà L1 phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn 1.122.829.000đ (*Một tỷ một trăm hai mươi hai triệu tám trăm hai mươi chín ngàn đồng*) là (36.000.000đ + (3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000đồng)) = 45.684.870đ (*Bốn mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn tám trăm bảy mươi đồng*).

- Nguyên đơn bà Lê Thị L (còn gọi là Ph) không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn bà L số tiền 22.387.500đ (*Hai mươi hai triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003742 ngày 05/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

[4] Về chi phí tố tụng:

Chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 4.680.000đ. Nguyên đơn bà L (Ph) đã quyết toán xong. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì: cần buộc bị đơn bà L1 phải có trách nhiệm trả lại cho bà L (Ph) số tiền chi phí tố tụng là: 4.680.000đ (*Bốn triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 161, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L (còn gọi là Ph) về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với đối với bị đơn bà Hoàng Thị Phương L1.

1. Buộc bị đơn bà Hoàng Thị Phương L1 phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị L (còn gọi là Ph) số tiền 1.122.829.000đ (*Một tỷ một trăm hai mươi hai triệu tám trăm hai mươi chín ngàn đồng*) trong đó nợ gốc là 950.000.000đ (*Chín trăm năm triệu đồng*) và nợ lãi là 172.829.000đ (*Một trăm bảy mươi hai triệu tám trăm hai mươi chín ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Buộc bị đơn bà Hoàng Thị Phương L1 phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 45.684.870đ (*Bốn mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn tám trăm bảy mươi đồng*).

- Nguyên đơn bà Lê Thị L (còn gọi là Ph) không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn bà L số tiền 22.387.500đ (*Hai mươi hai triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003742 ngày 05/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về chi phí tố tụng:

Buộc bị đơn bà L1 phải có trách nhiệm trả lại cho bà L (Ph) số tiền chi phí tố tụng là: 4.680.000đ (*Bốn triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng*) .

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử Ph thẩm. Riêng bà Hoàng Thị Phương L1 vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp Đà Lạt;
- Chi cục THADS Tp Đà Lạt;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Liên

